

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: **13/01/2026**
V/v: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hà Ứng Cường**

2. Ông **Nguyễn Duy Khương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị Diễm C**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp TH A, xã TH, tỉnh AG.

- Bị đơn: Anh **Trần Đức T**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp TH A, xã TH, tỉnh AG.

(Chị C có mặt tại phiên tòa, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị Diễm C trình bày:**

Vào năm 1997 chị cùng với anh Trần Đức T có chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên

Giang. Về con chung: có 02 con chung là cháu Trần Vũ Bích T, sinh ngày 10/11/1998 và Trần Vũ Diễm Q, sinh ngày 04/02/2011. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: anh chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị.

Qua thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, sống không hòa hợp và không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không cho chị đi làm, còn chị thì muốn đi làm để có thu nhập lo cho gia đình. Mặc dù chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không được nên chị đã ra riêng cất nhà trên đất ông bà cho để sinh sống, nên anh chị đã ly thân từ đầu năm 2025 đến nay.

Nay chị C yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Trần Đức T;
 - Về con chung: Đối với con chung tên Trần Vũ Bích T, sinh ngày 10/11/1998 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Vũ Diễm Q, sinh ngày 04/02/2011, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con;
 - Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;
 - Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- * Bị đơn anh Trần Đức T được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

*** *Tại biên bản xác minh ngày 05/11/2025 đối với Ban lãnh đạo ấp Tân Hoà B, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang:***

Ban lãnh đạo ấp Tân Hoà B, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang xác nhận hiện nay đương sự Trần Đức T vẫn có mặt tại địa phương. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đương sự T thì ở địa phương không biết vì không có ai trình báo với địa phương.

*** *Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 08/12/2025 cháu Trần Vũ Diễm Q trình bày:***

Nay cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu muốn được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

*** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Vũ Thị Diễm C khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung với anh Trần Đức T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”, bị đơn anh Trần Đức T có nơi cư trú tại ấp Tân Hòa A, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Anh Trần Đức T chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị Diễm C, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do đó căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Diễm C và anh Trần Đức T chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, do đó quan hệ hôn nhân chị Vũ Thị Diễm C và anh Trần Đức T là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Vũ Thị Diễm C trình bày trong thời gian chung sống chị và anh Trần Đức T sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống: anh T không cho chị đi làm, còn chị thì muốn đi làm kiếm tiền lo gia đình nên từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, do đó chị đã ly thân anh T từ đầu năm 2025 đến nay. Tại phiên tòa, chị Vũ Thị Diễm C xác định hiện nay không còn tình cảm với anh Trần Đức T và kiên quyết xin ly hôn, từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vũ Thị Diễm C và anh Trần Đức T không có khả năng đoàn tụ,

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị Diễm C đối với anh Trần Đức T theo quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị Vũ Thị Diễm C và anh Trần Đức T có 02 con chung tên Trần Vũ Bích T, sinh ngày 10/11/1998 và Trần Vũ Diễm Q, sinh ngày 04/02/2011. Đối với con chung tên Trần Vũ Bích T, sinh ngày 10/11/1998 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị C yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Vũ Diễm Q, sinh ngày 04/02/2011 vì hiện nay cháu Quỳnh đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng, chị C tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng đối với cháu Trần Vũ Bích T, sinh ngày 10/11/1998 đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Trần Vũ Diễm Q, sinh ngày 04/02/2011 thì chị Vũ Thị Diễm C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi chị C và anh T ly thân cho đến nay, đồng thời cháu Quỳnh cũng có nguyện vọng được chị C chăm sóc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trần Vũ Diễm Q, sinh ngày 04/02/2011 cho chị Vũ Thị Diễm C chăm sóc, nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của cháu là phù hợp với nguyện vọng của cháu Q và cũng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về việc cấp dưỡng nuôi con: do chị Vũ Thị Diễm C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh Trần Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vũ Thị Diễm C xác định trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cam kết là không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hoà giải, không tiến hành đối chất được về tài sản chung và nợ chung giữa chị C và anh T. Do đó, về tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Vũ Thị Diễm C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Vũ Thị Diễm C về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” với anh Trần Đức T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Vũ Thị Diễm C được ly hôn với anh Trần Đức T.

2. Về con chung: Đối với con chung tên Trần Vũ Bích T, sinh ngày 10/11/1998 đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giao cháu Trần Vũ Diễm Q, sinh ngày 04/02/2011 cho chị Vũ Thị Diễm C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị Vũ Thị Diễm C tự nguyện không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Trần Đức T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vũ Thị Diễm C xác định không có tài sản chung và cam kết không có nợ nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Diễm C phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003494

ngày 08/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang, chị C không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh